

HOẠCH CHƯ THIÊN TAM MUỘI NHẤT THIẾT PHẬT PHÁP MÔN  
ĐÀ LA NI

Phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

**Đà La Ni Tập Tập, quyển 7** ghi nhận: “**Hoạch Chư Thiên Tam Muội Nhất Thiết Phật Pháp Môn Đà La Ni**” là:

“**Ưu mưu ni, phá ra mưu ni, cứu sá xà hê, câu tế bạt xà, a ba la mưu sa, sa ni tỳ đà la, tư mật đề đa đa, ca bà ly, tần đầu mật ni, sa la, kỳ la mật la, mật la mật đề, tru diệt đề, a nâu tư đề tát, bà nương man lộ na, xā na đề, tỳ đà, xà mật đề, tỳ đầu mật đề, tu ba la đế diệt đề, a ni la tiết, a bà ngâm, su ra ni mi mật đề, ha sa mộ tỳ, xoa ha**”

Hành Pháp Đà La Ni này: Trong 7 ngày ở trước tượng Phật, trước Xá Lợi tụng một ngàn biến, uống nước Hắc Mật, nước của vòng hoa hoa sen thời trong một ngày hay tụng ngàn bài Kệ, được **Tha Tâm Trí**.

Nếu có 4 Chúng ở nơi vắng lặng, chí Tâm như Pháp hành Đà La Ni này thì chẳng quá 7 ngày sẽ hủy nát sự kết tụ của **cõi Dục** (Kāma-dhātu), được **Như Ý Chứng Tam Muội** của mười phương Phật, hay trừ nghiệp **3 chướng** [**Phiền Não Chướng** (Kleśāvaraṇa), **Nghiệp Chướng** (Katmāvaraṇa), **Di Thực Chướng** (Vipākāvaraṇa)] của chúng sinh. Hay tiêu trừ sự kết tụ của tất cả nhóm phiền não điên đảo của chúng sinh, gần gũi trụ ở con đường của Hiền Thánh, hay khiến cho không có chuyển lùi **Bồ Đề** (Bodhi), được **Nhất Thiết Trí** (Sarva-jñā), chẳng theo **Nhân** (Hetu) khác, rồi được Pháp Môn: **3 Vô Ngại, 3 Vô Úy Tam Muội của tất cả Phật** (Nhất Thiết Phật Tam Vô Ngại Tam Vô Úy Tam Muội), hay trừ tất cả các ác của chúng sinh

\*)Ghi chú:

KUMUDI PRAMUDI\_ KOŚA-JAHE\_ GUHYA-VAJRA APRAMOṢA  
SANI\_ VIDĀRA SMITA ITTHĀ KAVARE BHINDU MĀNIN SĀRA\_ VĪRA-  
MĀLA, MĀLA-VATI KUṬITA\_ ANUSTHITA ABHAJYAMĀNA JANAT-  
VIDHA\_ JAMATI VIDHU-MATI\_ SUPRATIṢṬHI AN-ĪRITA\_ ABHYĀṄGA  
SURA-NIMITTE HASA-MUKHE SVĀHĀ

[**KU MU ĐI, PÒ-RA MU ĐI, KÔ SA DA HÊ, GU HI-DA, VA DI-RA, A PÒ-RA MÔ SA, XA NI, VI ĐA RA, XỜ-MI TA, ÍT THA, KA VA RÊ, PHIN ĐU, MA NIN, XA RA, VI RA MA LA, MA LA VA TI, KU TI TA, A NU SỜ-THI TA, A BHA DI-DA MA NA, DA NÁT, VI ĐA, DA MA TI, VI ĐU MA TI, SU PÒ-RA TI SỜ-THI, A NI RI TA, A BHI-DẪN GA, XU RA, NI MÍT TÊ, HA SA, MU KHÊ, XỜ-VA HA**]

Ý nghĩa căn bản của Đà La Ni này là:

KUMUDI PRAMUDI: vui mừng với sự tinh khiết như hoa sen trắng

KOŚA-JAHE: như chặt đứt nơi cư trú của mọi sự nhiễm dơ

GUHYA-VAJRA APRAMOṢA SANI: được lợi ích là chẳng quên mất Kim Cương bí mật

VIDĀRA SMITA ITTHĀ KAVARE BHINDU MĀNIN SĀRA\_ VĪRA-  
MĀLA, MĀLA-VATI KUṬITA: mỉm cười phá nát mọi lối nẻo quanh co ngoằn ngoèo trong đồng ruộng to lớn, đồng ruộng vững mạnh cứng chắc của sự **ngã mạn** ... như bọt nước bên trong hỗn hợp tốt đẹp chính đúng

ANUSTHITA ABHAJYAMĀNA JANAT-VIDHA: thuận theo an trụ chẳng  
chia lìa với loại đã biết

JAMATI VIDHU-MATI: ý đơn độc lìa bỏ mọi phiền não

SUPRATIṢṬHI AN-ĪRITA: đứng lặng lẽ ngay thẳng cứng chắc chẳng lay động

ABHYĀṄGA SURĀ-NIMITTE HASA-MUKHE SVĀHĀ: như tướng tỏa  
sáng xoa bôi thân thành tựu viên mãn Môn **Cao Dữ**

20/02/2016